

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4859/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế đô thị dọc 2 bên Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Ba Gian, huyện Hoàng Hóa đến cầu Nguyệt Viên, thành phố Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6318/SXD-QH ngày 16 tháng 9 năm 2023 về việc Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây

dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030 (kèm theo Tờ trình số 266/TTr-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Hoằng Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Nội dung điều chỉnh

1.1. Nội dung 1: Điều chỉnh quy hoạch nghĩa trang và bố trí quỹ đất để mở rộng Nhà máy nước Hoằng Vinh theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023. Cụ thể như sau:

- Di chuyển nghĩa trang tập trung về xã Hoằng Ngọc¹ theo định hướng quy hoạch tỉnh (không thực hiện quy hoạch lô đất nghĩa trang NT-01).

- Bố trí quỹ đất để nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Hoằng Vinh theo định hướng quy hoạch tỉnh². Theo đó, phạm vi ảnh hưởng dẫn tới điều chỉnh các lô đất: Điều chỉnh ô đất nông nghiệp (ký hiệu NN-18) diện tích 3.76ha thành đất công trình đầu mối (nhà máy nước) diện tích khoảng 2,07 ha (ký hiệu CTĐM-02); phần diện tích còn lại là đất cây xanh cách ly diện tích 1,69 ha.

1.2. Nội dung 2: Điều chỉnh hạ tầng giao thông của 02 tuyến đường: tuyến đường kết nối với QL1 và tuyến đường QL10 đi khu du lịch Hải Tiến:

a) Điều chỉnh mở rộng lộ giới tuyến đường kết nối với QL1 có lộ giới từ 25 m lên 36 m. Sau khi điều chỉnh mặt cắt tuyến đường thì các lô đất dọc 2 bên tuyến đường kết nối với QL1 như: lô đất dân cư mới (PT06, PT07, PT08); đất giáo dục (GD-04); đất cây xanh (CX-17A); đất hỗn hợp (HH-02; HH-03) được rà soát điều chỉnh lại ranh giới, diện tích cho phù hợp.

b) Điều chỉnh lộ giới, hướng tuyến của Tuyến đường QL10 đi khu du lịch Hải Tiến thành các tuyến với quy mô mặt cắt như sau: Đoạn 1 (Km0-Km0+200) có lộ giới 36,5 m; đoạn 2 (Km0+200-Km0+400) lộ giới 28,5 m;

¹ Theo quy định tại Mục 7- khoản II Quy hoạch tỉnh: Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện: Bố trí nghĩa trang tập trung cấp huyện - xã Hoằng Ngọc, diện tích khoảng 15 ha. Nghĩa trang tại các xã sẽ thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch chung xây dựng xã. Các nghĩa trang hiện hữu không đủ khoảng cách ly đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường sẽ khoanh vùng, đóng cửa..

² Theo Quy định tại Mục 5- khoản VI: Nhà máy nước Hoằng Vinh tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, công suất quy hoạch 30.000 m³/ngày đêm cấp nước cho khu vực huyện Hoằng Hóa và TP. Thanh Hóa. Nguồn nước thô hiện tại lấy từ kênh Nam - sông Mã, định hướng lâu dài lấy từ hệ thống cấp nước thô chuỗi đô thị dọc QL 47, TP. Thanh Hóa và vùng phụ cận.).

đoạn 3 (Km0+400-Km5+499) có lộ giới 32,0 m. Sau khi điều chỉnh mặt cắt và hướng tuyến của tuyến đường thì các lô đất dọc 2 bên tuyến đường bị ảnh hưởng cần được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp như sau:

- Điều chỉnh diện tích các lô đất dân cư hiện trạng (HT-20, HT-23, HT-24, HT-31, HT-33, HT-34); đất tôn giáo (DT-02); đất giáo dục (GD-10); đất cơ quan hành chính (CQ-02); đất hỗn hợp (HH-20); đất thương mại dịch vụ (DVTM-07); đất cây xanh (CX-CV03); đất nông nghiệp (NN-01; NN-02; NN-03; NN-04; NN-05; NN-06).

- Di chuyển lô đất công trình đầu mối (ký hiệu CTĐM02) về phía Đông Nam và lô đất bãi rác (ký hiệu BR-01) sang phía Tây Nam, bổ sung dải cây xanh cách ly xung quanh các lô đất hạ tầng kỹ thuật.

1.3. Nội dung 3: Cập nhật đồ án quy hoạch Thiết kế đô thị dọc 2 bên QL1 đoạn từ cầu Ba Gian, huyện Hoàng Hóa và Trạm bơm nước Hoàng Vinh. Do đó hiệu chỉnh 02 lô đất dân cư mới (ký hiệu PT-42, PT-43), diện tích 2,4 ha sang đất thương mại dịch vụ (TMDV-18, TMDV-19); hiệu chỉnh lô đất dân cư mới (ký hiệu PT-39) sang đất trạm bơm (ký hiệu TB-02) và đất hỗn hợp (ký hiệu HH-19).

1.4. Nội dung 4: Bổ sung đất cây xanh vào một số vị trí nhóm nhà ở, đồng thời hoán đổi một số vị trí đất dân cư mới sang đất cây xanh, đất nông nghiệp, đất hỗn hợp:

- Điều chỉnh ô đất đất dân cư mới (ký hiệu PT-36, PT-37, PT-45) sang đất cây xanh sử dụng công cộng (ký hiệu CX-23, CX-22, CX-13).

- Điều chỉnh ô đất dân cư mới (ký hiệu PT-15) sang đất nông nghiệp (ký hiệu NN-32).

- Điều chỉnh lô đất nông nghiệp (ký hiệu NN-02) sang đất dân cư mới (ký hiệu PT-48).

- Điều chỉnh một phần lô đất nông nghiệp (ký hiệu NN-19) sang đất dân cư mới (ký hiệu PT-43).

- Điều chỉnh một phần lô đất nông nghiệp (ký hiệu NN-20) sang đất dân cư mới (ký hiệu PT-42).

- Điều chỉnh ô đất hỗn hợp (ký hiệu HH-19) sang đất dân cư mới (ký hiệu PT-39).

2. Cơ cấu sử dụng đất sau điều chỉnh quy hoạch

Với các nội dung điều chỉnh nêu trên sẽ có sự biến động về diện tích các chức năng sử dụng đất theo Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030, cụ thể như sau:

2.1. Bảng thống kê cụ thể các lô đất trong ranh giới điều chỉnh.

TT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)		So sánh (ha)
			Theo QĐ 1840/QĐ- UBND ^(*)	Điều chỉnh cục bộ	Tăng (+); Giảm (-) (ha)
1.1	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo				0,00
	Đất dân cư hiện trạng 20	HT-20	3,47	3,51	0,04
	Đất dân cư hiện trạng 23	HT-23	0,95	0,55	-0,40
	Đất dân cư hiện trạng 24	HT-24	1,51	1,21	-0,30
	Đất dân cư hiện trạng 31	HT-31	5,28	6,23	0,95
	Đất dân cư hiện trạng 33	HT-33	1,44	1,37	-0,07
	Đất dân cư hiện trạng 34	HT-34	1,83	1,61	-0,22
1.2	Đất công cộng hiện trạng đô thị				-0,21
	Trường liên cấp	GD-10	1,99	1,78	-0,21
2.1	Đất đơn vị ở mới				0,00
	Dân cư mới 06	PT-06	12,22	12,07	-0,15
	Dân cư mới 07	PT-07	10,40	10,30	-0,10
	Dân cư mới 08	PT-08	5,16	5,03	-0,13
	Dân cư mới 15	PT-15	2,24	0,00	-2,24
	Dân cư mới 36	PT-36	0,85	0,00	-0,85
	Dân cư mới 37	PT-37	1,61	0,00	-1,61
	Dân cư mới 39	PT-39	1,08	0,48	-0,60
	Dân cư mới 42	PT-42	0,99	1,64	+0,65
	Dân cư mới 43	PT-43	1,24	3,55	+2,31
	Dân cư mới 45	PT-45	1,22	0,00	-1,22
	Dân cư mới 47	PT-47	2,34	0,94	-1,40
	Dân cư mới 48	PT-48	0,00	5,34	+5,34
2.2	Đất công cộng đô thị				-0,10
	Trường trung học phổ thông	GD-04	4,41	4,31	-0,10
2.3	Đất cây xanh đô thị				+7,84
	Đất cây xanh	CX-13	2,61	8,10	+5,49
	Đất cây xanh	CX-22	0,00	1,50	+1,50
	Đất cây xanh	CX-23	0,00	0,85	+0,85
3.1	Đất di tích				-0,02
	Đất di tích	DT-02	0,54	0,52	-0,02
3.2	Đất hỗn hợp				+0,32

TT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)		So sánh (ha)
			Theo QĐ 1840/QĐ- UBND(*)	Điều chỉnh cục bộ	Tăng (+); Giảm (-) (ha)
	Đất hỗn hợp	HH-02	5,17	5,06	-0,11
	Đất hỗn hợp	HH-03	10,05	9,94	-0,11
	Đất hỗn hợp	HH-19	0,48	1,08	+0,60
	Đất hỗn hợp	HH-20	1,13	1,07	-0,06
3.3	Đất dịch vụ công cộng				+2,42
	Đất thương mại	DVTM-07	6,04	4,94	-1,10
	Đất thương mại	DVTM-18	2,66	4,14	+1,48
	Đất thương mại	DVTM-19	2,13	4,17	+2,04
3.4	Đất cơ quan				-0,02
	Đất cơ quan	CQ-02	0,74	0,72	-0,02
3.5	Đất cây xanh				+3,26
	Đất cây xanh	CX-17A	2,80	2,70	-0,10
	Cây xanh công viên	CX-CV03	8,82	7,66	-1,16
	Cây xanh chuyên dụng	CXCL-01	1,93	3,32	+1,39
	Cây xanh chuyên dụng	CXCL-02	1,12	2,56	+1,44
	Cây xanh chuyên dụng	CXCL-03	0,00	1,69	+1,69
3.6	Đất giao thông				+3,53
	Đất giao thông đô thị		113,77	114,64	+0,87
	Đất giao thông ngoại thị		14,35	17,01	+2,66
3.7	Đất hạ tầng đầu mối				-5,29
	Đất hạ tầng đầu mối (nhà máy nước)	CTĐM03	0,00	2,07	+2,07
	Nghĩa trang	NT01	7,36	0,00	-7,36
B	Đất nông nghiệp				-6,20
1	Đất nông nghiệp		246,09	239,89	-6,20
		NN-01	14,52	15,18	+0,66
		NN-02	16,92	17,70	+0,78
		NN-2A	2,57	2,57	+0,00
		NN-03	25,19	14,90	-10,29
		NN-04	5,53	12,60	7,07
		NN-05	17,39	18,10	+0,71
		NN-06	11,16	12,50	+1,34
		NN-18	3,76	0,00	-3,76
		NN-19	9,12	5,57	-3,55

TT	Tên lô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)		So sánh (ha)
			Theo QĐ 1840/QĐ-UBND(*)	Điều chỉnh cục bộ	Tăng (+); Giảm (-) (ha)
		NN-20	3,58	1,94	-1,64
		NN-32	6,10	8,58	2,48

Chú thích: (*) Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030.

2.2. Tổng hợp thống kê so sánh sử dụng đất của toàn đô thị sau khi điều chỉnh:

TT	Tên lô đất	Diện tích (ha)			So sánh (ha)
		Quyết định 1840/QĐ-UBND(*)	Quyết định 19/QĐ-UBND(**)	Điều chỉnh cục bộ	Tăng (+); giảm (-)
	TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH	1.520,00	1.520,00	1.520,00	
I.	Đất dân dụng hiện trạng	380,64	380,43	380,43	-0,21
1.1	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo	277,74	277,74	277,74	0,00
1.2	Đất công cộng hiện trạng đô thị	17,44	17,23	17,23	-0,21
II.	Đất dân dụng mới	301,42	309,16	309,16	+7,74
2.1	Đất đơn vị ở mới	172,35	175,66	175,66	0,00
2.2	Đất công cộng đô thị	36,99	36,99	36,89	-0,10
2.3	Đất cây xanh đô thị	31,01	31,01	38,85	+7,84
III.	Đất ngoài dân dụng	544,00	548,20	548,20	+4,20
3.1	Đất di tích	2,98	2,98	2,96	-0,02
3.2	Đất hỗn hợp	58,02	57,73	58,05	+0,32
3.3	Đất dịch vụ công cộng	69,40	69,40	71,82	+2,42
3.4	Đất cơ quan	12,73	12,73	12,71	-0,02
3.5	Đất cây xanh	229,07	228,59	231,85	+3,26
3.6	Đất giao thông	128,12	127,97	131,50	+3,53
3.7	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	43,68	43,68	38,39	-5,29
B	ĐẤT KHÁC	293,94	293,94	287,74	-6,20
1	Đất nông nghiệp	246,09	246,09	239,89	-6,20

Chú thích:
 (*) Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030.
 (**) Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04 tháng 1 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030.

2.3. Bảng tổng hợp sử dụng đất toàn đô thị sau khi điều chỉnh.

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	TẦNG CAO	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH
I.	ĐẤT DÂN DỤNG HIỆN TRẠNG					380,43
1.1	Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo					277,74
	Đất dân cư hiện trạng 20	HT-20	1-3	60	1,8	3,51
	Đất dân cư hiện trạng 23	HT-23	1-3	60	1,8	0,55
	Đất dân cư hiện trạng 24	HT-24	1-3	60	1,8	1,21
	Đất dân cư hiện trạng 31	HT-31	1-3	60	1,8	6,23
	Đất dân cư hiện trạng 33	HT-33	1-3	60	1,8	1,37
	Đất dân cư hiện trạng 34	HT-34	1-3	60	1,8	1,61
1.2	Đất công cộng hiện trạng đô thị					17,23
	Trường liên cấp	GD-10	3-5	40	2,0	1,78
II.	ĐẤT DÂN DỤNG MỚI					309,16
2.1	Đất đơn vị ở					175,66
	Dân cư mới 06	PT-06	3-5	80	4,0	12,07
	Dân cư mới 07	PT-07	3-5	80	4,0	10,30
	Dân cư mới 08	PT-08	3-5	80	4,0	5,03
	Dân cư mới 39	PT-39	3-5	80	4,0	0,48
	Dân cư mới 42	PT-42	3-5	80	4,0	1,64
	Dân cư mới 43	PT-43	3-5	80	4,0	3,55
	Dân cư mới 47	PT-47	3-5	80	4,0	0,94
	Dân cư mới 48	PT-48	3-5	80	4,0	5,34
2.2	Đất công cộng đô thị					36,89
	Trường trung học phổ thông	GD-04	3-5	40	2,0	4,31
2.3	ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ					38,85
	Đất cây xanh	CX-13	-	-	-	8,10
	Đất cây xanh	CX-22	-	-	-	1,50
	Đất cây xanh	CX-23				0,85
III.	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG					542,67
3.1	ĐẤT DI TÍCH					2,96
	Đất di tích	DT-02	-	-	-	0,52
3.2	ĐẤT HỖN HỢP					58,05
	Đất hỗn hợp	HH-02	5-7	70	4,9	5,06
	Đất hỗn hợp	HH-03	5-7	70	4,9	9,94

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	TẦNG CAO	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH
	Đất hỗn hợp	HH-19	5-7	70	4,9	1,08
	Đất hỗn hợp	HH-20	5-7	70	4,9	1,07
3.3	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG					71,82
	Đất thương mại	DVTM-07	7-9	40	3,6	4,94
	Đất thương mại	DVTM-18	5-7	40	2,8	4,14
	Đất thương mại	DVTM-19	5-7	40	2,8	4,17
3.4	ĐẤT CƠ QUAN					12,71
	Đất cơ quan	CQ-02	3-5	40	2,0	0,72
3.5	ĐẤT CÂY XANH					231,85
	Cây xanh	CX-17A	-	-	-	2,70
	Cây xanh công viên	CX-CV03	-	-	-	7,66
	Cây xanh chuyên dụng	CXCL-01	-	-	-	3,32
	Cây xanh chuyên dụng	CXCL-02	-	-	-	2,56
	Cây xanh chuyên dụng	CXCL-03				1,69
3.6	ĐẤT GIAO THÔNG					131,50
	Đất giao thông đô thị		-	-	-	114,64
	Đất giao thông ngoại thị		-	-	-	17,01
3.7	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẦU MỐI					38,39
	Đất hạ tầng đầu mối (nhà máy nước)	CTĐM03	-	-	-	2,07
B.	ĐẤT KHÁC					287,74
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP					239,89
		NN-01	-	-	-	15,18
		NN-02	-	-	-	17,70
		NN-2A	-	-	-	2,57
		NN-03	-	-	-	14,90
		NN-04	-	-	-	12,60
		NN-05	-	-	-	18,10
		NN-06	-	-	-	12,59
		NN-18	-	-	-	0,00
		NN-19	-	-	-	5,57
		NN-20	-	-	-	1,94
		NN-32	-	-	-	8,58

3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Tuyến đường kết nối với QL1: Điều chỉnh lộ giới từ 25,0 m (Lòng đường 15 m; hè 5,0 m x2) lên thành lộ giới 36,0 m; lòng đường 10,5 m x2 =21,0 m; phân cách giữa: 5,0 m; vỉa hè 2 bên: 5,0 m x2=10,0 m.

- Tuyến giao thông từ QL10 đi khu du lịch Hải Tiến: Điều chỉnh hướng tuyến và lộ giới từ 20,5 m (mặt đường 10,5 m; vỉa hè 5,0 m x2) với quy mô mặt cắt đường cụ thể như sau:

+ Đoạn 1 (từ Km0-Km0+200 (có mương hở nằm giữa)): lộ giới 36,5 m; Lòng đường: 10,5 m x2 =21,0 m; phân cách và mương 9,5 m; vỉa hè 2 bên: 3,0 m x2 =6,0 m.

+ Đoạn 2 (từ Km0+200-Km0+400): lộ giới 28,5 m; lòng đường: 20,5 m; vỉa hè 2 bên: 4,0 m x2 =8,0 m.

+ Đoạn 3 (từ Km0+400-Km5+499): lộ giới 32,0 m; lòng đường: 10,5 m x2=21,0 m; phân cách giữa: 3,0 m; vỉa hè 2 bên: 4,0 m x2 =8,0 m.

- Hiệu chỉnh đầu nối quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho phù hợp và thống nhất với các nội dung đã điều chỉnh.

4. Các nội dung khác

Các nội dung không điều chỉnh giữ nguyên theo Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 (điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại các Quyết định: số 19/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2022, số 1988/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2022).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị được duyệt theo quy định; bàn giao hồ sơ, tài liệu đồ án quy hoạch cho Sở Xây dựng và các ngành, địa phương liên quan để lưu trữ, quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại khoản 12 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị được duyệt.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng và các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H15.(2023)QDPD_DCCB But Son

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm